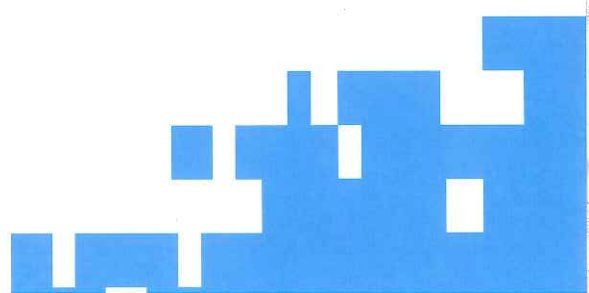


**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 41

...: 0
C
GIAO
N
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và người phụ trách quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên
Ông Vũ Chinh	Thành viên
Ông Lý Việt An	Phụ trách quản trị

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc

Bà Đỗ Thị Thu Hiền là kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Số: 30/2024/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		520.456.459.482	423.128.039.713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	109.266.810.246	119.556.742.636
1. Tiền	111		37.584.227.246	33.917.942.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.682.583.000	85.638.800.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	120.292.594.000	130.333.256.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.290.100.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		103.767.594.000	115.098.356.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		285.381.365.314	169.498.316.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	244.829.475.196	136.665.505.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	36.929.001.107	26.213.732.212
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	14.900.127.284	17.698.846.361
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(11.277.238.273)	(11.079.766.773)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.515.689.922	3.739.723.422
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.864.540.903	3.476.159.448
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		898.528.146	77.822.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	1.752.620.873	185.741.056
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.696.044.492	228.551.618.447
I. Tài sản cố định	220		27.312.582.576	29.371.860.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	26.301.317.106	28.352.437.191
Nguyên giá	222		109.303.624.034	109.424.266.117
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.002.306.928)	(81.071.828.926)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.011.265.470	1.019.423.592
Nguyên giá	228		3.593.073.186	3.593.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.581.807.716)	(2.573.649.594)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		848.928.990	848.928.990
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		848.928.990	848.928.990
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	183.426.191.139	198.219.217.511
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		156.280.951.139	171.142.319.838
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	23.445.240.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(68.342.327)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.700.000.000	3.700.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		108.341.787	111.611.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		108.341.787	111.611.163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		732.152.503.974	651.679.658.160

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		515.439.823.206	435.117.105.653
I. Nợ ngắn hạn	310		512.129.102.806	432.073.011.653
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	158.555.014.878	177.901.228.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		63.653.422	12.521.019
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	4.249.235.935	2.950.724.913
4. Phải trả người lao động	314	4.11	5.603.097.053	8.079.797.965
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	16.704.236.809	11.877.989.863
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	2.324.132.564	7.452.660.562
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	324.629.732.145	223.798.088.988
II. Nợ dài hạn	330		3.310.720.400	3.044.094.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	3.310.720.400	3.044.094.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216.712.680.768	216.562.552.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15.1	216.712.680.768	216.562.552.507
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	166.994.970.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	166.994.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.826.051.991	57.826.051.991
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.15.6	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.15.6	12.000.000.000	12.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.691.426.983)	(28.841.555.244)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(28.841.555.244)	(11.201.327.291)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		150.128.261	(17.640.227.953)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		732.152.503.974	651.679.658.160

Trần Công Thành
Tổng Giám đốcĐỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởngLê Thị Hương Lan
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	638.802.023.637	397.136.530.157
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		638.802.023.637	397.136.530.157
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	605.220.125.194	366.950.324.159
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.581.898.443	30.186.205.998
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.817.458.374	6.346.298.960
6. Chi phí tài chính	22	5.4	7.638.499.522	8.721.711.688
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.779.547.457	7.540.525.327
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(14.861.368.699)	(13.635.681.859)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.271.270.936	17.816.072.114
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.628.217.660	(3.640.960.703)
10. Thu nhập khác	31		956.614.286	106.908.269
11. Chi phí khác	32		3.179.494	2.291.033
12. Lợi nhuận khác	40		953.434.792	104.617.236
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.581.652.452	(3.536.343.467)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	3.431.524.191	1.809.712.397
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		150.128.261	(5.346.055.864)
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		150.128.261	(5.346.055.864)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	(6)	(351)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.5	(6)	(351)



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.581.652.452	(3.536.343.467)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	2.059.278.207	2.228.014.132
Các khoản dự phòng	03		(1.160.970.827)	3.775.321.443
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.526.066.805)	180.986.847
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		11.013.820.462	9.812.508.965
Chi phí lãi vay	06	5.4	6.779.547.457	7.540.525.327
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động				
Tăng, giảm các khoản phải thu	08		20.747.260.946	20.001.013.247
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	09		(116.715.906.858)	26.826.077.240
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23.622.074.247)	(36.427.485.296)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		614.887.921	544.231.841
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.779.547.457)	(11.340.387.082)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.269.733.604)	(1.641.839.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(127.025.113.299)	(2.038.389.124)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(148.176.631)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		224.889.242	50.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(8.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.644.824.800	49.800.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(34.890.240.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.870.460.849	3.823.172.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.240.174.891	10.334.756.263

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	517.913.630.204	362.822.454.418
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(417.081.987.047)	(388.656.291.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100.831.643.157	(25.833.837.055)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(11.953.295.251)	(17.537.469.916)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		119.556.742.636	124.513.281.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		1.663.362.861	(219.164.260)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	109.266.810.246	106.756.647.600



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 05 năm 2023.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Cổ đông và vốn đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	41.537.040.000	24,87
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	36.357.640.000	21,77	36.357.640.000	21,77
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	16,64
Lionas Fund Co., Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	10,26
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	12.623.100.000	7,56
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	8.497.360.000	5,09	8.497.360.000	5,09
Các đối tượng khác		23.063.830.000	13,81	23.063.830.000	13,81
Cộng		166.994.970.000	100	166.994.970.000	100

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	Tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	Tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, Phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 378 (31/12/2023: 420).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực giao nhận và tiếp vận mà ngành nghề này đã có sự tăng trưởng đáng kể nhờ sự phục hồi của hoạt động giao thương quốc tế trong 06 tháng đầu năm 2024. Đối với mảng hàng không, Tập đoàn liên tục mở rộng thị trường, khai thác thêm các tuyến bay đến nhiều quốc gia mới, gia tăng khối lượng khách hàng. Đối với mảng vận chuyển đường biển, Tập đoàn duy trì giá cước vận chuyển ổn định, dẫn đến khối lượng vận chuyển tiếp tục gia tăng đáng kể. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu kỳ này đã tăng 61% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Doanh thu vận chuyển hàng không tăng 85%.
- Doanh thu vận chuyển đường biển tăng 56%.
- Doanh thu từ khác tăng 28%.

Trong khi đó, giá vốn kỳ này tăng đến 65% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá nguyên vật liệu và nhiên liệu tăng cao, dẫn đến chi phí dịch vụ mua ngoài tăng theo. Kết quả là tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.6. Công ty con được hợp nhất

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.7. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 26,66%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đình Vũ - Khu KT Đình Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2023.

3.2. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hàng hóa: 10%
- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ: 10%
- Các dịch vụ khác: 10%

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.132.788.929	1.379.314.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.451.438.317	32.538.628.130
Các khoản tương đương tiền (*)	71.682.583.000	85.638.800.000
Cộng	<u>109.266.810.246</u>	<u>119.556.742.636</u>

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 0% đến 1,8%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	6.900.000.000	12.360.453.000	-	6.900.000.000	10.616.340.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinafreight	9.625.000.000	11.807.775.000	-	9.625.000.000	8.334.900.000	(1.290.100.000)
Cộng	16.525.000.000	24.168.228.000	-	16.525.000.000	18.951.240.000	(1.290.100.000)

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và Công ty Cổ phần Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	1.290.100.000	397.075.000
Trích lập trong kỳ	-	496.125.000
Hoàn nhập trong kỳ	(1.290.100.000)	(694.575.000)
Số dư tại 30/06	-	198.625.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	103.767.594.000	103.767.594.000	115.098.356.800	115.098.356.800
Dài hạn:				
Trái phiếu	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 6,5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	310.765.050.000	156.280.951.139	310.765.050.000	171.142.319.838

Khoản đầu tư này chiếm 26,66% vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Mipec. Công ty Cổ phần Cảng Mipec hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam ^(a)	2.260.000.000	-	(*)	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long ^(b)	21.185.240.000	-	(*)	(*)
Cộng	23.445.240.000	-	23.445.240.000	(68.342.327)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 9,18% vốn góp của Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long. Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	68.342.327	20.986.029
Trích lập trong kỳ	-	81.650.189
Hoàn nhập trong kỳ	(68.342.327)	-
Số dư tại 30/06	-	102.636.218

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	120.674.510	776.338.838
Phải thu khách hàng:		
SJ Logistics Korea Company Limited	21.614.396.242	-
Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Tân An	11.142.789.500	1.479.870.856
Công ty TNHH Giao Vận CPS	7.880.822.280	1.901.325.255
Công ty TNHH Tiếp vận KCL	7.689.684.479	5.745.359.435
Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên	6.819.869.091	1.049.623.479
Công ty TNHH SJ Logistics Việt Nam	6.800.951.022	-
Các khách hàng khác (*)	182.760.288.072	125.712.987.192
Cộng	244.829.475.196	136.665.505.055

(*) Tại ngày 30/06/2024, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Regional Container Lines Public Company	8.742.100.024	3.124.871.844
Sento Pte. Ltd (*)	22.130.976.093	20.520.546.244
Các nhà cung cấp khác (**)	6.055.924.990	2.568.314.124
Cộng	36.929.001.107	26.213.732.212

(*) Đây là khoản ứng trước tiền hàng theo các Hợp đồng số SENTO-HANO-093, SENTO-HANO-094 tại ngày 03 tháng 05 năm 2024 cho nhà cung cấp Sento Pte Ltd.

(**) Tại ngày 30/06/2024, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	4.817.795.320	-	4.804.695.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	5.395.354.492	-	8.594.502.115	-
Phải thu khác (*)	4.686.977.472	-	4.299.649.246	-
Cộng	14.900.127.284	-	17.698.846.361	-

(*) Tại ngày 30/06/2024, mỗi khoản phải thu khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	Trên 3 năm	5.300.180.797	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty CP Giao nhận DMG Hà nội	1.076.916.240	-	Trên 3 năm	1.076.916.240	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại chuyên phát nhanh Đa Phương	1.466.360.737	473.180.369	Từ 1 năm đến 2 năm	1.466.360.737	473.180.369	Từ 1 năm đến 2 năm
Các khách hàng khác	4.214.134.533	1.422.794.395	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	3.525.607.603	931.738.965	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	13.173.213.037	1.895.974.764		12.484.686.107	1.404.919.334	

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	11.079.766.773	9.154.577.740
Trích lập trong kỳ	501.779.819	4.661.985.073
Hoàn nhập trong kỳ	(304.308.319)	(769.863.819)
Số dư tại 30/06	11.277.238.273	13.046.698.994

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	52.967.101.368	10.581.237.165	44.271.405.038 (120.642.083)	749.052.546	855.470.000	109.424.266.117 (120.642.083)
Thanh lý, nhượng bán	-	-		-	-	
Tại ngày 30/06/2024	52.967.101.368	10.581.237.165	44.150.762.955	749.052.546	855.470.000	109.303.624.034
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	28.705.184.182	9.276.897.967	41.525.187.315	710.597.538	853.961.924	81.071.828.926
Khấu hao trong kỳ	1.369.328.532	281.571.105	387.979.038 (120.642.083)	10.733.334	1.508.076	2.051.120.085 (120.642.083)
Thanh lý, nhượng bán	-	-		-	-	
Tại ngày 30/06/2024	30.074.512.714	9.558.469.072	41.792.524.270	721.330.872	855.470.000	83.002.306.928
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	24.261.917.186	1.304.339.198	2.746.217.723	38.455.008	1.508.076	28.352.437.191
Tại ngày 30/06/2024	22.892.588.654	1.022.768.093	2.358.238.685	27.721.674	-	26.301.317.106

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 2.068.096.822 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.116.476.684 VND.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
Tại ngày 30/06/2024	2.642.410.677	950.662.509	3.593.073.186
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	1.622.987.085	950.662.509	2.573.649.594
Khấu hao trong kỳ	8.158.122	-	8.158.122
Tại ngày 30/06/2024	1.631.145.207	950.662.509	2.581.807.716
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	1.019.423.592	-	1.019.423.592
Tại ngày 30/06/2024	1.011.265.470	-	1.011.265.470

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 632.205.252 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.382.213.578 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	14.828.400	14.828.400	-	-
Phải trả người bán:				
Regional Container Lines Public Co., Ltd	58.695.785.075	58.695.785.075	113.172.594.913	113.172.594.913
Văn phòng bán vé hãng hàng không Asian Airline Inc tại Hà Nội	11.238.712.672	11.238.712.672	2.160.168.078	2.160.168.078
Công ty TNHH Extrans Việt Nam	7.643.684.588	7.643.684.588	44.314.186	44.314.186
Các đối tượng khác (*)	80.962.004.143	80.962.004.143	62.524.151.166	62.524.151.166
Cộng	158.555.014.878	158.555.014.878	177.901.228.343	177.901.228.343

(*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi khoản nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.367.407.937	3.961.735.993	3.185.131.733	-	590.803.677
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.524.800.486	3.431.524.191	1.269.733.604	185.741.056	548.750.955
Thuế thu nhập cá nhân	-	343.547.817	2.815.268.866	2.862.051.875	-	390.330.826
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	534.353.150	534.353.150	-	-
Các loại thuế khác	1.752.620.873	13.479.695	3.664.822.883	6.824.803.516	-	1.420.839.455
Cộng	1.752.620.873	4.249.235.935	14.407.705.083	14.676.073.878	185.741.056	2.950.724.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương và thưởng còn phải trả cho nhân viên tại ngày 30/06/2024.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí cước vận chuyển và phí làm chứng từ	16.584.585.279	11.877.989.863
Các khoản trích trước khác	119.651.530	-
Cộng	16.704.236.809	11.877.989.863

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.128.075.618	6.657.277.945
Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.056.946	795.382.617
Cộng	2.324.132.564	7.452.660.562
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.310.720.400	3.044.094.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngân hàng	324.629.732.145	324.629.732.145	517.913.630.204	417.081.987.047	223.798.088.988	223.798.088.988
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Loại tiền	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại ngày 30/06/2024
						Tại ngày 01/01/2024
						VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	VND	300.000.000.000	4 - 5,5 tháng	3,9% - 8%/năm	Bổ sung vốn lưu động	113.491.148.522
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai ^(b)	VND	60.000.000.000	6 tháng	4,8% - 5,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	18.829.938.951
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(c)	VND	96.000.000.000	5 - 6 tháng	5,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	44.597.614.720
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(d)	VND	28.900.000.000	3 tháng	5,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.054.090.293
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(e)	VND	23.000.000.000	3 - 6 tháng	4,5% - 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	21.335.340.236
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(f)	VND	60.000.000.000	3 tháng	5,2% - 6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	837.691.538
Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(g)	VND	80.000.000.000				12.652.264.728
Cộng						324.629.732.145
						223.798.088.988

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Các Tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 802222481855, 22210001528052 kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng với tổng giá trị là 24.300.000.000 VND;
- Các Tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, 814004107739, 819004409396, 818004590885, 817004691100, 815004781494, 813005009766 kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 1.081.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 2.068.096.822 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 632.205.252 VND – Xem thêm Mục 4.8.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các Tài khoản tiền gửi số 213000284707, 217000301935, 219000360204, 215000389107, 218000394780 kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với tổng giá trị là 8.137.200.000 VND;
- Các Tài khoản tiền gửi số 213000208156, 219000220957, 216000212191, 210000232764, 219000389128, 213000397782, 215000401619, 218000213461 kỳ hạn 03 tháng với tổng giá trị là 530.000 USD.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 1500633006358, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 4.000.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND.
- Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản tiền gửi số 1501633000869, 1501633000875, 1501633000954, 1501633000960 kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 211000235485, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 13.204.812.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các Tài khoản tiền gửi số 09750000004676, 001044565514, 001046990493, 001031887761 kỳ hạn 01 đến 12 tháng với tổng giá trị 15.600.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001031887761, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 194.000 USD.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 0001580880950, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 6807890264681, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 3.000.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	10.198.966.551	174.948.180.460
Chuyển đổi trái phiếu	47.504.920.000	12.281.657.480	(531.977.480)	-	-	59.254.600.000
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	(5.346.055.864)	(5.346.055.864)
Tại ngày 30/06/2023	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	4.852.910.687	228.856.724.596
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	(12.294.172.089)	(12.294.172.089)
Tại ngày 01/01/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	(7.441.261.402)	216.562.552.507
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	150.128.261	150.128.261
Tại ngày 30/06/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	(7.291.133.141)	216.712.680.768

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	166.994.970.000	119.490.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	47.504.920.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/06	166.994.970.000	166.994.970.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	16.644.097

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	150.128.261 (250.000.000)	(5.346.055.864) (250.000.000)
Lãi/(Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	(99.871.739) 16.644.097	(5.596.055.864) 15.935.460
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6)	(351)

4.15.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	150.128.261 (250.000.000)	(5.346.055.864) (250.000.000)
Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	(99.871.739) 16.644.097	(5.596.055.864) 15.935.460
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(6)	(351)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quý khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ ĐHCĐ-VNT ngày 23 tháng 04 năm 2024.

4.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	9.400.293.842	12.000.000.000
Tại ngày 30/06/2024	9.400.293.842	12.000.000.000

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.171.686,65	2.179.789,72
JPY	33.000,00	33.000,00
EUR	1.063,67	13.347,44
SGD	680,86	680,86

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn được cấp khoản bảo lãnh thanh toán cho Regional Container Lines Public Co.,Ltd với tổng giá trị là 1.500.000 USD bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân, thời hạn bảo lãnh đến ngày 25/01/2025.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cước vận chuyển hàng không	272.473.015.748	147.135.779.728
Cước vận chuyển đường biển	258.476.886.464	165.974.375.187
Doanh thu khác	107.852.121.425	84.026.375.242
Cộng	638.802.023.637	397.136.530.157

Trong đó doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

76.556.942

205.331.228

Nguyên nhân tăng doanh thu kỳ này được thuyết minh tại Mục 1.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	34.574.890.886	30.983.486.556
Chi phí công cụ, dụng cụ	103.491.561	158.607.712
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.591.825.716	1.801.753.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.702.805.191	322.778.937.446
Chi phí bằng tiền khác	12.247.111.840	11.227.539.327
Cộng	605.220.125.194	366.950.324.159

Nguyên nhân tăng giá vốn kỳ này được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	530.817.000	404.432.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.091.841.995	3.418.740.894
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.668.732.574	2.523.126.066
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.526.066.805	-
Cộng	7.817.458.374	6.346.298.960

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	6.779.547.457	7.540.525.327
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.217.394.392	1.116.999.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	180.986.847
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(1.358.442.327)	(116.799.811)
Cộng	7.638.499.522	8.721.711.688

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.106.123.266	7.352.120.131
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.443.841	64.084.159
Chi phí khấu hao TSCĐ	467.452.491	426.261.014
Thuế, phí và lệ phí	546.855.115	406.315.910
Chi phí dự phòng	197.471.500	3.892.121.254
Chi phí khác	5.899.924.723	5.675.169.646
Cộng	16.271.270.936	17.816.072.114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	43.681.014.152	38.335.606.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.059.278.207	2.228.014.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.406.595.708	323.407.945.227
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	197.471.500	3.892.121.254
Chi phí khác	18.147.036.563	16.902.708.973
Cộng	621.491.396.130	384.766.396.273

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.581.652.452	(3.536.343.467)
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất BCTC	15.001.713.460	13.635.681.859
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	701.808.503	683.526.825
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.596.736.461)	
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia	(530.817.000)	(404.432.000)
Cộng: Chi phí lãi vay vượt 30% theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	293.128.173
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.157.620.954	10.671.561.390
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	3.431.524.191	2.134.312.278
Trừ: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	(324.599.881)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.431.524.191	1.809.712.397

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	517.913.630.204	362.822.454.418

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(417.081.987.047)	(388.656.291.473)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội;
- Hải Phòng.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	550.204.305	359.114.814	88.597.719	38.021.716	-	-	638.802.024	397.136.530
Giữa các bộ phận	142.700.236	30.187.380	9.502.354	7.225.573	(152.202.590)	(37.412.953)	-	-
Cộng	692.904.541	389.302.194	98.100.073	45.247.289	(152.202.590)	(37.412.953)	638.802.024	397.136.530

Đơn vị: Ngân VND

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(4.145.285)	(6.697.517)	6.594.544	5.431.969	-	-	2.449.259	(1.265.548)
Doanh thu tài chính	5.580.159	3.709.525	2.237.300	2.636.774	-	-	7.817.459	6.346.299
Chi phí tài chính	(5.386.961)	(7.265.729)	(2.251.539)	(1.455.983)	-	-	(7.638.500)	(8.721.712)
Lợi nhuận khác	510.885	86.014	442.549	18.603	-	-	953.434	104.617
Lợi nhuận trước thuế	(3.441.202)	(10.167.707)	7.022.854	6.631.363	-	-	3.581.652	(3.536.344)
Thuế TNDN	(2.033.950)	(1.809.712)	(1.397.574)	-	-	-	(3.431.524)	(1.809.712)
Lợi nhuận sau thuế	(5.475.152)	(11.977.419)	5.625.280	6.631.363	-	-	150.128	(5.346.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

Đơn vị: Ngân VND

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Tài sản của bộ phận	675.260.151	546.197.733	110.061.274	198.471.305	(53.168.920)	(92.989.380)	732.152.505	651.679.658
Nợ phải trả của bộ phận	458.547.469	329.635.180	110.061.274	198.471.305	(53.168.920)	(92.989.380)	515.439.823	435.117.106
	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	-	148.177	-	-	-	-	-	148.177
Chi phí khấu hao	405.401	469.576	1.653.878	1.758.438	-	-	2.059.279	2.228.014

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | | |
|----|---|---------------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Vinafreight | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. | Công ty Cổ phần Transimex | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 3. | Công ty Cổ phần Cảng Mipec | Công ty liên kết |
| 4. | Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	32.373.710	776.338.838
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	88.300.800	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	120.674.510	776.338.838
Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.9:		
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	14.828.400	-
Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	96.785.491	95.425.712
Công ty Cổ phần Transimex	76.556.942	109.905.516
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	81.760.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	255.102.433	205.331.228
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	441.580.853	772.917.771
Công ty Cổ phần Transimex	189.598.202	127.467.205
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	57.773.000	3.530.000
Cộng	688.952.055	900.384.976
Thu hộ thuế nhà thầu và cước vận chuyển:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	29.863.820	153.111.100
Công ty Cổ phần Transimex	12.000.000	9.676.000
Cộng	41.863.820	162.787.100

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND		Kỳ trước VND	
		Thù lao	Thu nhập	Thù lao	Thu nhập
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	458.166.000	133.333.333	458.166.000
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	61.111.111	458.166.000	61.111.111	458.166.000
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	307.740.000	-	318.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	307.740.000	-	307.740.000
Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	-	307.740.000	-	307.740.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Ông Vũ Chính	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban kiểm soát	22.222.222	-	22.222.222	-
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát	16.666.667	-	16.666.667	-
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát	16.666.667	-	16.666.667	-
Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	-	277.020.000	-	277.020.000
Cộng		494.444.444	2.116.572.000	416.666.666	2.126.832.000
					2.543.498.666

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lê Thị Hương Lan
Người lập

